JBSV

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN JB VIỆT NAM
Số: 2125/CV-JBSV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------***----------

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 10/2026

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty chứng khoán JBSV xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán niêm yết tại Sở GDCK TPHCM:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ACB			ACB
2	ANV			ANV
3	BAF			BAF
4	BCM			BCM
5	BID			BID
6	BMP	BMP		
7	BSI			BSI
8	BSR			BSR
9	BVH			BVH
10	CDC			CDC
11	CII			CII
12	CTD			CTD

13	CTG			CTG
14	CTR			CTR
15	CTS			CTS
16	DBC			DBC
17	DCL			DCL
18	DCM			DCM
19	DGW			DGW
20	DIG			DIG
21	DPG	DPG		
22	DPM			DPM
23	DSE			DSE
24	DXG			DXG
25	E1VFVN30			E1VFVN30
26	EIB			EIB
27	EVF			EVF
28	FPT			FPT
29	FRT			FRT
30	FTS			FTS
31	FUEVFVND			FUEVFVND
32	GAS			GAS
33	GEE			GEE
34	GEL			GEL
35	GEX			GEX
36	GMD			GMD

37	GVR			GVR
38	HAH			HAH
39	HCM			HCM
40	HDB			HDB
41	HDC			HDC
42	HDG			HDG
43	HHP	HHP		
44	HHS	HHS		
45	HHV			HHV
46	HPG			HPG
47	HSG			HSG
48	HSL	HSL		
49	KBC			KBC
50	KDC			KDC
51	KDH			KDH
52	KHG			KHG
53	KOS	KOS		
54	LPB			LPB
55	MBB			MBB
56	MSB			MSB
57	MSH			MSH
58	MSN			MSN
59	MWG			MWG
60	NAB			NAB

61	NAF			NAF
62	NKG			NKG
63	NLG			NLG
64	NT2			NT2
65	OCB			OCB
66	ORS			ORS
67	PAN			PAN
68	PC1			PC1
69	PDR			PDR
70	PET			PET
71	PHR			PHR
72	PLX			PLX
73	PNJ			PNJ
74	POW			POW
75	PVD			PVD
76	PVT			PVT
77	REE			REE
78	SAB			SAB
79	SBT			SBT
80	SHB			SHB
81	SJS			SJS
82	SSB			SSB
83	SSI			SSI
84	STB			STB

85	TCB			TCB
86	TCH			TCH
87	TCM			TCM
88	TCO	TCO		
89	TDP			TDP
90	TNI	TNI		
91	TPB			TPB
92	VAB			VAB
93	VCB			VCB
94	VCG			VCG
95	VCI			VCI
96	VDS			VDS
97	VGC			VGC
98	VHC			VHC
99	VHM			VHM
100	VIB			VIB
101	VIC			VIC
102	VIX			VIX
103	VJC			VJC
104	VND			VND
105	VNM			VNM
106	VPB			VPB
107	VPI			VPI
108	VPL			VPL

109	VPX			VPX
110	VRC	VRC		
111	VRE			VRE
112	VSC			VSC
113	VTP			VTP
114			MCH	MCH

2. Danh mục chứng khoán niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BVS			BVS
2	C69	C69		
3	CEO			CEO
4	EVS	EVS		
5	HUT			HUT
6	IDC			IDC
7	L40	L40		
8	MBS			MBS
9	MST	MST		
10	PPT	PPT		
11	PVS			PVS
12	SHS			SHS
13	TNG			TNG
14	VC3			VC3

15	VFS			VFS
16	VTZ			VTZ

- Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: https://www.jbsv.com.vn/vi/bao-cao-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-102026-1133

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập	**Kiểm soát**	**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
Phạm Văn An	**Nguyễn Quỳnh Hương**	**Phạm Văn Anh**

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN JB VIỆT NAM